

Số: 54 /2016/QĐ-UBND

Long An, ngày 05 tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện  
Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 2602/TTr-SCT ngày 26/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **15/10/2016**; đồng thời thay thế Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 24/8/2011 và bãi bỏ Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Long An.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (Cục XTTCM);
- Cục KT VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng (KT<sub>1</sub> + TH);
- Lưu: VT, Ngan.

QĐ-SCT- XUC TIEN THUONG MAI

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cần**

**QUY CHẾ**

**Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại  
trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2016/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Long An)*

---

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây gọi tắt là Chương trình).

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;
- b) Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Mục tiêu của chương trình**

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Long An là chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại biên giới phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm:

- 1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước và thương mại biên giới;
- 2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;
- 3. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại;
- 4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch trong tỉnh.

**Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình**

1. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình: Trung tâm Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Long An; các cơ quan, đơn vị trong tỉnh có thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại có chương trình, đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, điều kiện quy định tại quy chế này (đã được UBND tỉnh phê duyệt).

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;



- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình;
- c) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu;
- d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- e) Thực hiện chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình**

Đơn vị tham gia thực hiện chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

#### **Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về chương trình**

1. Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại biên giới theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại quy chế này;

c) Quy định tiêu chí đối với đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của chương trình;

d) Đánh giá, thẩm định các kế hoạch, đề án tổng hợp vào kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm và trình UBND tỉnh phê duyệt;

đ) Phê duyệt các chương trình xúc tiến thương mại chi tiết trong kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt;

e) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc chương trình;

g) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh;

h) Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương ra quyết định thành lập và ban hành quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các đơn vị thuộc Sở



Công Thương, đại diện các sở, ngành liên quan, do Giám đốc Sở Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án, kế hoạch xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng, tổng hợp vào kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp đề án xúc tiến thương mại phát sinh ngoài kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung.

#### **Điều 6. Kinh phí thực hiện chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau
  - a) Ngân sách địa phương do UBND tỉnh giao hàng năm (Quỹ xúc tiến thương mại);
  - b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
  - c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
  - d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc
  - a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho Sở Công Thương;
  - b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.
  - c) Các đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phân ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện được chương trình.

#### **Điều 7. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh**

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương gửi Sở Tài Chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
2. Sau khi được ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán chi ngân sách cho Chương trình, Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt Chương trình cụ thể và chuyển giao kinh phí cho Trung tâm xúc tiến thương mại triển khai thực hiện trong phạm vi dự toán được giao.
3. Căn cứ quyết định phê duyệt Chương trình của Giám đốc Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến thương mại ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình với các đơn vị chủ trì và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký; thực hiện trực tiếp các đề án thuộc Chương trình do Trung tâm Xúc tiến thương mại chủ trì;  
Giám đốc Sở Công Thương quy định cụ thể về việc ký kết và thực hiện hợp đồng nêu trên.
4. Kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thì nộp trả ngân sách tỉnh.
5. Sở Tài Chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh, quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật.



## **Chương II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

#### **Điều 8. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu và mức hỗ trợ**

1. Chi hỗ trợ “Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1,5 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

#### **2. Chi hỗ trợ Tuyên truyền xuất khẩu**

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh Long An ra thị trường nước ngoài: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, bao gồm

- Thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;
- Sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Long An để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu hàng hóa tỉnh Long An theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

3. Chi hỗ trợ "Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài", chi phí gồm

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp; tổ chức hội nghị giới thiệu về thị trường xuất khẩu: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 2 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

4. Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại”: Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ 100% đối với đối tượng là cán bộ của Trung tâm Xúc tiến thương mại và các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, gồm các khoản chi sau



a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu các khoản chi khác (nếu có).

b) Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

5. Chi hỗ trợ "Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại"

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: Hỗ trợ khoản chi phí

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Trang trí chung của khu vực của tỉnh Long An (bao gồm cả g

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của tỉnh An): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang t

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;
- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, p

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình (Hỗ trợ công tác phí c 02 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đ

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/ 1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại tỉnh Long An: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 doanh nghiệp tham gia;
- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là 150 gian hàng tiêu chuẩn và 75 doanh nghiệp tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12 triệu đồng/ 1 đơn vị tham gia.



c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức các hội chợ triển lãm nêu tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 8 của Quy chế này. Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này là 100%.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12% chi phí tổ chức hội chợ quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

6. Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

b) Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình (Hỗ trợ công tác phí cho 02 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 10 người, không quá 04 người đối với đoàn có từ 10 người trở lên);

đ) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Chi hỗ trợ “Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp” (thương mại kết hợp đầu tư và du lịch) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của tỉnh ra nước ngoài, đồng thời thu hút đầu tư, khách du lịch nước ngoài đến tỉnh Long An. Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này là 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 8 của quy chế này.

8. Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh Long An giao dịch mua hàng”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài (chi phí ăn ở, đi lại tại tỉnh,...);

b) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình (Hỗ trợ công tác phí cho 02 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 10 người, không quá 04 người đối với đoàn có từ 10 người trở lên);

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch (chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, tuyên truyền quảng bá,...);

d) Các khoản chi khác (nếu có).

9. Chi hỗ trợ “Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam được hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu;

b) Chi phí tuyên truyền, quảng bá.



10. Chi hỗ trợ “Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu”. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

- a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;
- b) Chi phí ăn, ở;
- c) Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/ 1 đơn vị tham gia.

11. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác và mức hỗ trợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

### **Điều 9. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước và mức hỗ trợ**

1. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh”. Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

- a) Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- b) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- c) Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- d) Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;
- g) Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;
- h) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 10 triệu đồng/ 1 đơn vị tham gia.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác, các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh trong và ngoài tỉnh”. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- a) Chi phí vận chuyển;
- b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;



g) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;

h) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/ 1 đợt bán hàng.

3. Chi hỗ trợ “Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tình đến người tiêu dùng trong nước; cung cấp thông tin thị trường, giá cả, thông tin chính sách, pháp luật, thông tin cơ hội giao thương qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, bản tin và các hình thức phổ biến thông tin khác”. Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/ 1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Chi hỗ trợ “Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được Nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Chi hỗ trợ Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt”, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm và điểm bán tự hào hàng Việt.

Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này là 50% theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 9 của Quy chế này với mức không chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá



nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước”: Hỗ trợ 100% các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

8. Chi hỗ trợ “Tổ chức các chương trình giao thương: Tổ chức đoàn doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp xúc và làm việc với các doanh nghiệp ngoài tỉnh hoặc tổ chức đoàn doanh nghiệp ngoài tỉnh đến khảo sát thực tế tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh để xúc tiến hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (gồm chi phí in ấn tài liệu, thông tin tuyên truyền; chi phí ăn, ở, đi lại).

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác và mức hỗ trợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

#### **Điều 10. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại biên giới và mức hỗ trợ**

1. Chi hỗ trợ “Tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến biên giới”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/ 1 phiên.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức và phát triển hệ thống phân phối hàng Việt sang khu vực biên giới với nước có chung biên giới của tỉnh Long An: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Tổ chức phiên chợ hàng Việt sang khu vực biên giới với nước có chung biên giới với tỉnh Long An:

- Chi phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh ở nước ngoài có biên giới với tỉnh Long An);
- Chi phí thuê mặt bằng, trang trí tổng thể, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 300 triệu đồng/1 phiên.

b) Chi phí hành chính phải nộp thực tế cho cơ quan cấp phép để mở văn phòng đại diện tại các tỉnh nước ngoài có chung biên giới với tỉnh Long An.



3. Chi hỗ trợ “Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của tỉnh Long An và các nước có chung biên giới”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 350 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

5. Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh Long An. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- a) Tổ chức giao dịch: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch;
- b) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

6. Chi hỗ trợ “Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân của tỉnh tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ.

7. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa. Hỗ trợ 100% các chi phí:

- a) Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông;
- b) Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại biên giới khác và mức hỗ trợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.



### **Chương III**

## **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **Điều 11. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại của tỉnh**

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng đề án xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh.
2. Các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:
  - a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;
  - b) Phù hợp với định hướng xuất khẩu những mặt hàng chủ yếu của tỉnh;
  - c) Phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, mặt hàng của tỉnh;
  - d) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy chế này;
  - đ) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;
  - e) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

### **Điều 12. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt kế hoạch, chương trình**

1. Đơn vị chủ trì gửi kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại đến Hội đồng thẩm định trước ngày 15 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.
2. Hội đồng thẩm định căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá, thẩm định nội dung kế hoạch, đề án của đơn vị chủ trì và tổng hợp vào kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.
3. Căn cứ kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh được UBND tỉnh quyết định phê duyệt, Giám đốc Sở Công Thương tiến hành phê duyệt từng Chương trình xúc tiến thương mại trên cơ sở thẩm định và đề nghị của Hội đồng thẩm định.

### **Điều 13. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án**

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Hội đồng thẩm định.
2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.
3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.



4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án xúc tiến thương mại trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Hội đồng thẩm định đề trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.

5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí, các đề án mới.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương**

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh những vấn đề ngoài quy định của quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.
4. Tổng kết việc thực hiện quy chế; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế trong trường hợp cần thiết.
5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16 quy chế này.
6. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều 16 quy chế này.
7. Không xem xét phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các đơn vị chủ trì Chương trình không thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng quy định tại quy chế này.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng liên quan**

Các cơ quan chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch trong nước và nước ngoài.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì**

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.



3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Khi thực hiện xong đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện về Hội đồng thẩm định trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đề án, đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị tham gia đề án thực hiện các báo cáo liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh thì được xem xét, khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cần**